

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 02/3/2021.  
V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên.

Bà Tiêu Kim Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Tuấn Thảo Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 568/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐHPT-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 508 đường V, Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến Hải T, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 141/1 đường N, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2020 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tiến Hải T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/12/2002.

Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến giữa năm 2019 ông T có mối quan hệ với người đàn bà khác. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên giải và cho ông T cơ hội để hàn gắn tình cảm, đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học tập của con cái. Do vậy, để ổn định cuộc sống bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Châu T, sinh ngày 19/3/2003, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Bà C khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác cho ông T và tiến hành triệu tập ông T đến Toà để làm bản khai, tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không có bất kỳ ý kiến nào gửi cho Tòa án về việc bà C xin ly hôn.

Ngày 15/01/2021, bà C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn Tiến Hải T cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Tiến Hải T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C và ông T.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 163, quyển số 01/2002 do UBND Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/12/2002, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Tiến Hải T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, yêu cầu xin ly hôn của bà C: Bà C trình bày vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn trầm trọng xuất phát từ việc ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng ông không đến, cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu xin ly hôn của bà C. Do vậy, việc ông không đến Tòa cho thấy ông không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà C nữa.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục chung sống thì không những không đem lại niềm vui, hạnh phúc mà còn đem lại sự đau khổ cho đôi bên, tình trạng đó ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con cái. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Châu T, sinh ngày 19/3/2003. Bà C yêu cầu được nuôi con, yêu cầu của bà C phù hợp với nguyện vọng của trẻ Trinh nên Hội đồng xét xử xem xét giao trẻ Nguyễn Thị Châu T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Bà C và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan C được ly hôn với ông Nguyễn Tiến Hải T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Châu T, sinh ngày 19/3/2003 cho bà Nguyễn Thị Lan C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà C và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà C chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049785 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND Phường 10, Quận 8  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Lan**